

**BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN THÁNG**  
(Từ ngày 1 đến 31/8/2025)

**1.1. Lưu vực sông Hồng**

<p><i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i></p>
<p>- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 300-400mm, có nơi cao hơn, đặc biệt tại trạm Thái Bình (Hưng Yên) 501mm.</p>
<p>- Tổng lượng dòng chảy:</p> <p>+ Sông Thao: Trong tháng qua, lưu lượng dòng chảy trên sông Thao tăng so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thao tại trạm Yên Bái cao hơn TBNN cùng kỳ 22%</p> <p>+ Sông Lô: Lưu lượng dòng chảy đến các sông trên lưu vực phổ biến tăng so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang thấp hơn 18%.</p> <p>+ Trên sông Đà: Lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình trong tháng 7 tăng so với tháng trước và chịu ảnh hưởng điều tiết thủy điện Sơn La. Tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN cùng kỳ 12%.</p> <p>+ Trên sông Hồng: Dòng chảy trong tháng qua biến đổi chậm và phụ thuộc vào điều tiết của các thủy điện tuyến trên. Mực nước hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội đã có 3 đợt dao động; hồ Hòa Bình Tuyên Quang và Thác Bà đã điều tiết mở cửa xả, riêng hồ Hòa Bình đã mở 03 cửa xả đáy. Tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại trạm Hà Nội cao hơn TBNN cùng kỳ 24%.</p>
<p><i>b. Dự báo, cảnh báo</i></p>
<p>+ Tổng lượng mưa: Phổ biến 230-350mm, có nơi trên 400mm.</p>
<p>- Tổng lượng dòng chảy:</p> <p>+ Sông Thao: Trong tháng tới, lưu lượng dòng chảy trên sông Thao thấp hơn so với tháng vừa qua. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thao tại trạm Yên Bái thấp hơn TBNN cùng kỳ 14%.</p> <p>+ Sông Lô: Lưu lượng dòng chảy trên sông Lô cao hơn so với tháng vừa qua. Tổng lượng dòng chảy trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang cao hơn TBNN cùng kỳ 42%.</p> <p>+ Trên sông Đà: Lưu lượng đến hồ Hòa Bình trong tháng tới có xu thế tăng so với tháng trước và chịu ảnh hưởng điều tiết thủy điện Sơn La, tổng lượng dòng chảy tương đương TBNN.</p> <p>+ Trên sông Hồng: Dòng chảy hạ lưu sông Hồng tiếp tục biến đổi chậm chịu ảnh hưởng mạnh của thủy triều và dao động theo điều tiết các hồ chứa thượng lưu cũng như lũ trên các sông thượng nguồn. Tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại trạm Hà Nội dự báo cao hơn TBNN cùng kỳ 14%.</p>

## 1.2. Lưu vực sông Thái Bình

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 200-300mm, có nơi cao hơn, đặc biệt tại trạm Bắc Ninh (Bắc Ninh) 402mm.
- Tổng lượng dòng chảy: Trên sông Cầu, đã xuất hiện 01 đợt lũ và một số dao động nhỏ, trên sông Lục Nam xuất hiện 01 đợt lũ. Tổng lượng dòng chảy trên sông Cầu và sông Lục Nam tăng so với tháng trước. Trong tháng 7, tổng lượng dòng chảy trên sông Cầu tại trạm Cầu Gia Bảy cao hơn 27% so với TBNN cùng kỳ, trên sông Lục Nam tại trạm Chũ thấp hơn TBNN cùng kỳ 22%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 200-300mm, có nơi cao hơn.
- Tổng lượng dòng chảy: Trên sông Cầu và sông Lục Nam có khả năng xuất hiện 1-2 đợt lũ, lưu lượng dòng chảy trên các sông có xu thế tăng so với tháng 7. Tổng lượng dòng chảy trên sông Cầu tại trạm Cầu Gia Bảy dự báo cao hơn 49% so với TBNN cùng kỳ, trên sông Lục Nam tại trạm Chũ có khả năng ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 33%.

## 1.3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Khu vực Thanh Hóa, Nghệ An phổ biến từ 200-500mm, có nơi cao hơn, đặc biệt như tại trạm Bái Thượng (Thanh Hóa) 807mm; khu vực từ Hà Tĩnh đến Huế phổ biến từ 100-200mm, có nơi cao hơn.
- Tổng lượng dòng chảy: + Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong tháng 7/2025, lưu lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa, Nghệ An tăng hơn so với tháng trước, các sông ở Hà Tĩnh giảm hơn. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại Cẩm Thủy cao TBNN cùng kỳ khoảng 89%, sông Cả tại Yên Thượng cao hơn khoảng 37%, sông Ngân Sâu tại Hòa Duyệt cao hơn khoảng 61%, sông Ngân Phố tại Sơn Diệm thấp hơn khoảng 25%. + Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch (TP Huế) tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN cùng kỳ 259%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 150-300mm, có nơi cao hơn, lượng mưa lớn tập trung ở các tỉnh từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong tháng 8/2025, lưu lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa tăng hơn so với tháng trước, các sông ở Hà Tĩnh ít biến đổi so với tháng trước, các sông ở Nghệ An giảm so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 30%, sông Cả tại Yên Thượng thấp hơn khoảng 30%, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt thấp hơn khoảng 16%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm thấp hơn khoảng 26%.

+ Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Dòng chảy trên các sông khả năng có dao động và cao hơn so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN cùng kỳ 243%.

#### 1.4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

<p><i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i></p>
<p>- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 100-200mm, có nơi cao hơn; riêng một số nơi như tại Quy Nhơn (Gia lai), Tuy Hòa (Đắk Lắk) và Nha Trang (Khánh Hòa) phổ biến ít mưa với lượng mưa phổ biến 10-36mm.</p>
<p>- Tổng lượng dòng chảy:</p> <p>+ Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn (TP Đà Nẵng) tại trạm Nông Sơn cao hơn TBNN cùng kỳ 202%, sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) tại trạm Sơn Giang cao hơn 184%.</p> <p>+ Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Lưu lượng dòng chảy trên các sông có dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông An Lão (Gia Lai) tại trạm An Hòa cao hơn 83%, sông Ba (Đắk Lắk) tại trạm Củng Sơn thấp hơn 29%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) tại trạm Đồng Trăng cao hơn 14%, sông Lũy (Lâm Đồng) tại trạm Sông Lũy thấp hơn 31%, sông La Ngà (Lâm Đồng) tại trạm Tào Pao thấp hơn 80% so với TBNN.</p>
<p><i>b. Dự báo, cảnh báo</i></p>
<p>- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 100-200mm, có nơi cao hơn; riêng Tuy Hòa (Đắk Lắk) và Nha Trang (Khánh Hòa) phổ biến 50-80mm.</p>
<p>- Tổng lượng dòng chảy:</p> <p>+ Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Dòng chảy trên các sông khả năng có dao động và cao hơn so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn tại trạm Nông Sơn cao hơn TBNN cùng kỳ 201%, sông Trà Khúc tại trạm Sơn Giang cao hơn 206%.</p> <p>+ Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Lưu lượng dòng chảy trên các sông có dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại trạm Củng Sơn ở mức</p>

thấp hơn 33%, sông Cái Nha Trang tại trạm Đồng Trăng ở mức cao hơn 15% so với TBNN cùng kỳ.

### 1.5. Lưu vực sông Mê Công

#### a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 130-250mm, có nơi cao hơn, đặc biệt tại trạm Kom Tum (Quảng Ngãi) 413mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Lưu lượng dòng chảy trong tháng 7 trên lưu vực sông Sê San đều cao hơn so với tháng trước, lưu vực sông Srêpôk phổ biến ở mức xấp xỉ và thấp hơn. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 52%, trên sông Krông Ana tại Giang Sơn thấp hơn 16%.

+ Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm với xu thế lên dần

#### b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 200-350mm, có nơi cao hơn.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tháng tới, lưu lượng dòng chảy các sông trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk dao động ở mức tương đương và tăng so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 70%, trên sông Srêpôk tại Giang Sơn thấp hơn 28%.

+ Sông Cửu Long: Dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm với xu thế lên dần. Trên sông Tiền tại Tân Châu và trên sông Hậu tại Châu Đốc ở mức cao hơn từ 15-30% so với TBNN.

**Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 01/9/2025**

**Tin phát lúc: 15h00**

**Người chịu trách nhiệm  
ban hành bản tin**



**Phùng Tiến Dũng**

**Phụ lục 1: Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm**

*Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 01 đến ngày 31/8/2025*

Khu vực	Trạm	Thực đo 1 tháng qua (mm)	So sánh TBNN (%)	Dự báo trong 1 tháng tới (mm)	So sánh với TBNN (%)
Lưu vực sông Hồng	Tam Đường	421	<23	250-350	xấp xỉ
	Sơn La	353	>29	170-270	xấp xỉ
	Hòa Bình	340	<4	270-370	xấp xỉ
	Lào Cai	384	>27	300-400	xấp xỉ
	Yên Bái	326	<1	300-400	xấp xỉ
	Tuyên Quang	203	<35	210-310	xấp xỉ
	Hà Giang	349	<37	360-460	xấp xỉ
	Láng	294	<4	270-370	xấp xỉ
	Thái Bình	501	>108	230-330	xấp xỉ
	Nam Định	432	>75	250-350	xấp xỉ
Lưu vực sông Thái Bình	Bắc Cạn	328	>13	200-300	xấp xỉ
	Thái Nguyên	185	<53	250-350	xấp xỉ
	Bắc Ninh	452	>68	280-380	xấp xỉ
	Lạng Sơn	295	>24	150-250	xấp xỉ
	Bắc Giang	379	>42	250-350	xấp xỉ
	Hải Dương	171	<29	250-350	xấp xỉ
Lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ	Hồi Xuân	452	>41	270-370	xấp xỉ
	Bái Thượng	807	>200	290-390	xấp xỉ
	Thanh Hóa	568	>151	230-330	xấp xỉ
	Quý Châu	496	>121	250-350	xấp xỉ
	Cửa Rào	555	>184	180-280	xấp xỉ
	Đô Lương	238	>35	200-300	xấp xỉ
	Vinh	218	>54	180-280	xấp xỉ
	Hương Sơn	194	>9	180-280	xấp xỉ
	Hương Khê	183	<1	240-340	xấp xỉ
	Hà Tĩnh	227	>75	180-280	xấp xỉ
	Đông Hới	58	<26	120-220	xấp xỉ
Quảng Trị	123	>38	120-220	xấp xỉ	

<b>Khu vực</b>	<b>Trạm</b>	<b>Thực đo 1 tháng qua (mm)</b>	<b>So sánh TBNN (%)</b>	<b>Dự báo trong 1 tháng tới (mm)</b>	<b>So sánh với TBNN (%)</b>
	Nam Đông	112	<31	180-280	xấp xỉ
	Huế	138	>65	130-230	xấp xỉ
Lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ	Đà Nẵng	224	>143	120-220	xấp xỉ
	Trà My	257	>48	190-290	xấp xỉ
	Ba Tơ	123	<11	140-240	xấp xỉ
	Quảng Ngãi	111	>27	100-200	>10-20%
	Quy Nhơn	20	<55	70-120	>10-20%
	An Khê	147	>12	100-200	xấp xỉ
	Tuy Hòa	36	<23	60-100	>15-25%
	Nha Trang	5	<89	40-80	>10-20%
Lưu vực sông Mê Công	Kon Tum	413	>26	250-350	xấp xỉ
	Lắk	285	>7	310-410	xấp xỉ
	Buôn Mê Thuột	134	<45	280-380	xấp xỉ
	Biên Hòa	199	<27	220-320	xấp xỉ
	Cần Thơ	145	<39	150-250	xấp xỉ

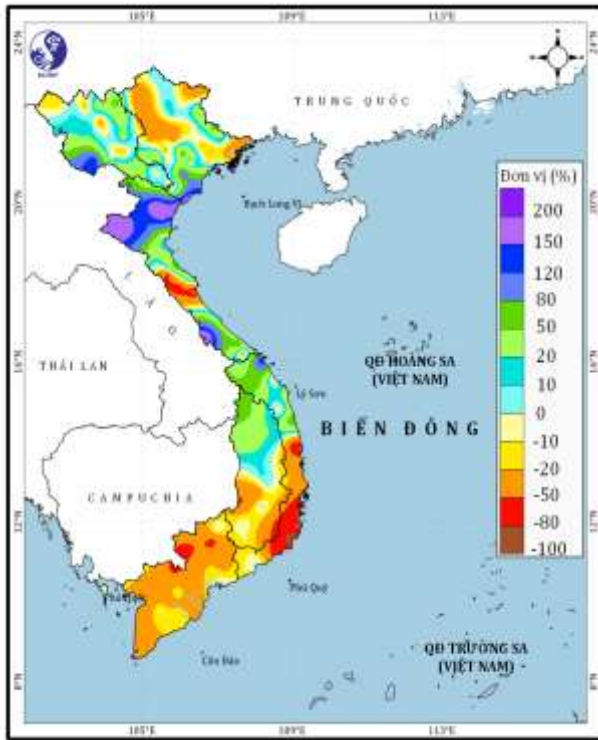
**Bảng 1.2: Bảng số liệu nguồn nước thực đo và dự báo trên các sông chính**

*Đơn vị: 10<sup>6</sup> m<sup>3</sup>*

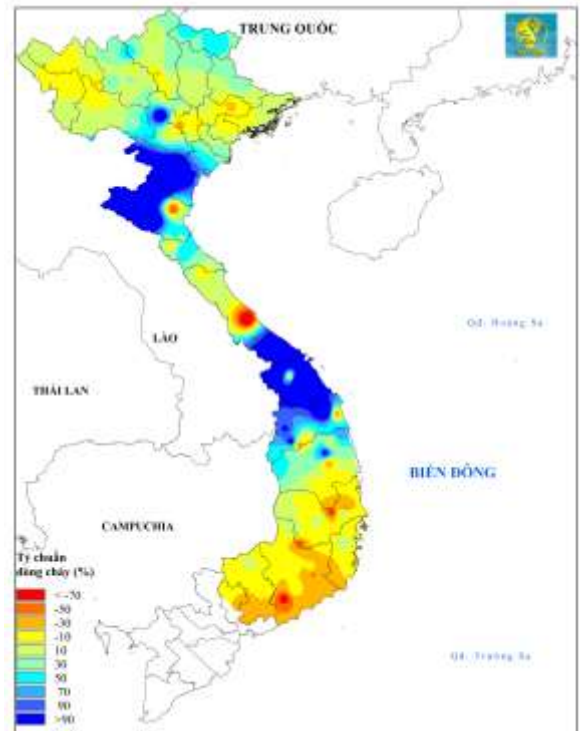
Sông	Trạm	Yếu tố đo	Thực đo	So sánh TBNN (%)	Dự báo	So sánh TBNN (%)
Thao	Yên Bái	W	3305	> 22	3214	<14
Lô	Tuyên Quang	W	3806	<18	5892	>42
Đà	Hồ Hòa Bình	W	10038	<12	11785	<3
Hồng	Hà Nội	W	12460	>24	11999	>14
Cầu	Gia Bảy	W	422	>27	677	>49
Lục Nam	Chũ	W	190	<22	263	<33
Mã	Cắm Thủy	W	3094	>89	3348	>30
Cả	Yên Thượng	W	1870	>37	1620	<30
La	Hòa Duyệt	W	212	>61	204	<16
Tả Trách	Thượng Nhật	W	55	>259	67	>243
Thu Bồn	Nông Sơn	W	662	>202	729	>201
Trà Khúc	Sơn Giang	W	498	>184	589	>206
Ba	Củng Sơn	W	214	<29	375	<33
Cái N,T	Đông Trảng	W	88	>14	80	>15
ĐăkBlá	KonTum	W	97	<52	91	<70
Srêpôk	Giang Sơn	W	122	<16	174	<28
Tiền	Tân Châu	W			63384	>30
Hậu	Châu Đốc	W			11793	>15

## Phụ lục 2: Bản đồ phân bố nguồn nước

Hình 2.1: Bản đồ hiện trạng nguồn nước từ ngày 01 đến ngày 30/7/2025



Bản đồ chênh lệch tổng lượng mưa so với TBNN



Bản đồ chênh lệch tổng lượng dòng chảy so với TBNN